

Bản án số: 59/2019/HS-ST
Ngày 22 ngày 8 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN - TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị At

Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/HSST-QĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị N. Tên gọi khác: không. Sinh ngày ngày 19.8.1981, tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: tiểu khu T, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 04/12. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ ĐTDĐ: Không. Con ông: Lò Văn C (đã chết) và bà: Lò Thị H , sinh năm 1937. Bị cáo có chồng là Lường Văn B, sinh năm 1986, hiện đang cư trú tại: tổ 5, phường T, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Bị can có 01 con sinh năm 1998.

Tiền án: Tại bản án số 66/2018/HS-ST ngày 14.6.2018 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt 14 (mười bốn) tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19.3.2019 đến ngày 28.3.2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 14.12.1968 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: tiểu khu N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Chức vụ ĐTĐP: Không. Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1938. Bị cáo không có vợ, con.

Tiền án: Tại bản án số 21/2010/HS-ST ngày 30.12.2010 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xử phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội Tàng trữ trái pháp chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 115/HSST ngày 24.02.2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19.3.2019 đến ngày 21.6.2019 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thế S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tiểu khu N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 18.03.2019, Lò Thị N đi cùng Đoàn Trung D, sinh năm 1979, trú tại tiểu khu T, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến trung tâm y tế dự phòng huyện Mai Sơn để uống thuốc Methadone. Tại cổng, N gặp 01 người đàn ông không quen biết giới thiệu tên L mua 150.000 VNĐ được 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh. Về đến nhà N chia gói Heroine ra thành 02 phần và gói lại bằng giấy màu trắng có in chữ. Đến 11 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Văn S điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS 26K1-037.64 đến nhà N hỏi mua 100.000 VNĐ Heroine và đưa trước 50.000 VNĐ (còn 50.000 VNĐ hẹn sẽ trả sau), N đồng ý cầm tiền cất vào trong chiếc ví rồi lấy 01 gói được gói bằng giấy màu trắng có in chữ bên trong chứa Heroine đưa cho S. S cầm gói Heroine đi về nhà và sử dụng hết số Heroine vừa mua.

Khoảng 09 giờ ngày 19.3.2019, N tiếp tục cùng Đoàn Trung D đến trung tâm y tế dự phòng huyện Mai Sơn để uống thuốc Methadone. Khi uống thuốc xong, N gặp lại L ở cổng và mua 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá

200.000 VNĐ. Về đến nhà, N chia gói Heroine ra thành 03 phần và gói lại bằng giấy trắng có in chữ. Sau đó, N đã lấy 02 gói ra sử dụng hết, 01 gói còn lại N cất vào trong chiếc lọ nhựa màu trắng, để trên đầu giường ngủ, mục đích để sử dụng.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 19.03.2019, S điều khiển xe máy BKS: 26K1 – 03764 đến nhà Lò Thị N để mua Heroine về sử dụng. Khi đi đến khu vực gần nhà N, S gặp 01 người đàn ông tên Văn (không rõ nhân thân), biết Văn cũng đi mua ma túy của N nên S nhờ Văn mua hộ 200.000 VNĐ Heroine và đưa tiền, Văn đồng ý cầm tiền và bảo S đứng chờ. Sau đó, Văn quay lại đưa cho S 02 gói được gói bằng giấy trắng (có in chữ) đưa cho S nói bên trong có Heroine, S không mở ra kiểm tra và cầm lấy 02 gói ma túy cất vào trong túi áo khoác bên phải S đang mặc, điều khiển xe máy đi về. Đến khoảng 13 giờ 20 phút ngày 19.03.2019, S đi đến khu vực tiểu khu N, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thì bị công tác Công an huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đang làm nhiệm vụ tại đây yêu cầu dừng xe, có ma túy thì tự giác giao nộp. Nguyễn Văn S tự giác lấy từ trong túi áo khoác bên phải đang mặc ra 02 gói đều được gói bằng mảnh giấy màu trắng có in chữ bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine. Nguyễn Văn S khai nhận chất bột màu trắng là Heroine mua của Lò Thị N với giá là 200.000 VNĐ để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ, niêm phong vật chứng nêu trên và thu giữ 01 xe máy máy nhãn hiệu WAVE, màu trắng nâu đen, BKS: 26K1 – 03764, số khung RLHJC52140Y137723, số máy JC52E4178860.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở, đồ vật của Lò Thị N, kết quả khám xét phát hiện thu giữ: 01 hộp bằng nhựa màu trắng có đường kính khoảng 4,5 cm, cao khoảng 02 cm bên trong có 01 gói được gói bằng giấy màu trắng có in chữ chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine do Lò Thị N tự giác giao nộp; thu giữ trong ví tại giường ngủ của N số tiền 370.000 VNĐ.

Ngày 19.03.2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Sơn phối hợp với phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La tiến hành bóc mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích rút mẫu giám định vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn S và khám xét nhà Lò Thị N. Kết quả:

- Chất bột màu trắng nghi Heroine trong 02 gói vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn S có tổng khối lượng là: 0,129 gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M1, M2 để giám định.

- Chất bột màu trắng nghi Heroine trong 01 gói vật chứng thu giữ khi khám xét nơi ở của Lò Thị N có tổng khối lượng là: 0,011 gam, trích rút toàn bộ, ký hiệu M để giám định.

Ngày 22.03.2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành bản kết luận giám định số 643, kết L: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu M1, M2 là chất ma túy, loại chất Heroine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,129 gam. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ là 0,129 gam, loại Heroine*”.

Ngày 23.03.2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La ban hành bản kết luận giám định số 644, kết L: “*Mẫu gửi giám định ký hiệu M là chất ma túy, loại chất Heroine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,011 gam. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ là 0,011 gam, loại Heroine*”.

Tại phiên toà các bị cáo Lò Thị N và Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế S trình bày: Chiếc xe máy máy nhãn hiệu WAVE , màu trắng nâu đen, BKS: 26K1 – 03764 bị công an thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn S là chiếc xe máy của anh. Trong quá trình điều tra, công an huyện Mai Sơn đã trả lại anh chiếc xe máy trên. Vì vậy, anh không có ý kiến gì khác.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSMS ngày 25.6.2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn đã truy tố bị cáo Lò Thị N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát trình bày bản L tội đối với các bị cáo với quan điểm giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Thị N từ 26 đến 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số: 66/2018/HSST ngày 14.6.2018 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành cả hai bản án theo quy định.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 hộp nhựa màu trắng, mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Lò Thị N; 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, các mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Nguyễn Văn S.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy, vỏ màu đen, kèm theo sim đã qua sử dụng và số tiền 50.000VNĐ thu giữ trong tổng số 370.000 VNĐ của bị cáo N. Trả lại cho Lò Thị N 320.000VNĐ số tiền đã thu giữ của bị cáo trong tổng số tiền 370.000VNĐ.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trả lại cho Nguyễn Thế S 01 xe máy máy nhãn hiệu WAVE, màu trắng nâu đen, BKS: 26K1 – 03764, số khung RLHJC52140Y137723, số máy JC52E4178860.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000VNĐ.

Các bị cáo Lò Thị N và Nguyễn Văn S tự bào chữa: Nhất trí với nội dung L tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Mai Sơn, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt*: Tại phiên tòa, các bị cáo Lò Thị N và Nguyễn Văn S khai nhận: Các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy nhiều năm, bản thân các bị cáo đã có nhiều tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 18.3.2019, Nguyễn Văn S đã mua của Lò Thị N một gói heroine, hai bên thỏa thuận giá là 100.000VNĐ, nhưng S chỉ đưa cho N 50.000VNĐ, mục đích của S để sử dụng cho bản thân, sau khi sử dụng hết số ma túy này, ngày 19.3.2019, S mua 200.000VND Heroine của một người đàn ông tên Văn, mục đích để sử dụng và bị tổ Công tác Công an huyện Mai Sơn phát hiện, bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,129 gam Heroine.

Bị cáo Lò Thị N thừa nhận hành đã bán ma túy cho Nguyễn Văn S để thu được 50.000VNĐ vào ngày 18.3.2019 như bị cáo S đã trình bày là đúng. Nguồn gốc số ma túy này là do N đã mua được của một đối tượng tên L trước đó. Số ma túy còn lại bị cáo N cất giấu để sử dụng và ngày 19.3.2019 bị cáo đã bị bắt quả tang khi đang tàng trữ 0,011 gam heroine.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 19.3.2019 của Công an huyện Mai Sơn đối với Nguyễn Văn S; Biên bản khám xét lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 19.3.2019 của Công an huyện Mai Sơn đối với Lò Thị N; biên bản bóc mở niêm phong, cân tịnh, trích rút mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng; phù hợp với kết L giám định số 643 ngày 22.3.2019 và số 644 ngày 23.3.2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh L tại phiên tòa không có gì mâu thuẫn, không phát sinh tình tiết mới.

Như vậy, đủ căn cứ để kết L bị cáo Lò Thị N đã mua Heroine về để sử dụng và bán kiếm lời. Bị cáo đã bán cho Nguyễn Văn S 50.000VNĐ và tàng trữ 0,011 gam heroine khi bị bắt quả tang, hành vi của bị cáo Lò Thị N đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Nguyễn Văn S mua ma túy để sử dụng, không nhằm mục đích nào khác, bị bắt quả tang tàng trữ 0,129 gam Heroine. Tại bản án số 21/2010/HS-ST ngày 30.12.2010 Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm đối với S tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù giam. Ngày 13.5.2017, bị cáo chấp hành án xong hình phạt tù, nên chưa được xóa án tích. Lần phạm tội này, bị cáo tiếp tục phạm tội cùng loại, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, có đủ căn cứ kết L bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn truy tố các bị cáo tại Bản cáo trạng số: 46/CT-VKSMS ngày 25.6.2019 là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Xét thấy tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng:* Các bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm về hình sự, nhận thức rõ được việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thiếu rèn luyện, tu dưỡng mà các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, tiếp tay cho các đối tượng khác lưu thông, buôn bán trái phép chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo:*

Bị cáo Lò Thị N phạm tội thuộc trường hợp tái phạm vì năm 2018, bị cáo bị xử phạt 14 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số: 66/2018/HS-ST ngày 14.6.2018 của TAND huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, hiện bị cáo chưa chấp hành án do bị bệnh hiểm nghèo. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Đồng thời, bị cáo còn bị áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của hai bản án để buộc bị cáo phải chấp hành.

Bị cáo Nguyễn Văn S có nhân thân xấu vì năm 2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 7 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Năm 2010, bị cáo bị TAND huyện Mai Sơn xử xử tại bản án số: 21/2010/HSST, xử phạt bị cáo 7 năm 06 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái pháp chất ma túy quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, nay chưa được xóa án tích. Đây là tình tiết định khung hình phạt nên không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng cho thấy bị cáo vẫn bất chấp quy định của pháp luật để cố ý phạm tội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc đã làm nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hiện nay bản thân các bị cáo bị bệnh nặng đang phải điều trị (nhiễm HIV), sức khỏe rất yếu. Bị cáo Nguyễn Văn S, có ông Nguyễn Văn Khẩu và bà Nguyễn Thị Lép (là bố, mẹ bị cáo) được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo S khi lượng hình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự đối với từng bị cáo nhằm cải tạo giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Đối với Lò Thị N tuy phạm tội với mục đích vụ lợi nhưng xét bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, đang mắc bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, không có nguồn thu nhập, hiện đang chung sống với mẹ già. Đối với Nguyễn Văn S, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy, đang mắc bệnh hiểm nghèo, không có tài sản riêng có giá trị, không có thu nhập ổn định. Hiện bị đang chung sống cùng mẹ đẻ là người cao tuổi. Do vậy cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*:

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ một số vật chứng, căn cứ quy định điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 giải quyết như sau:

Đối với 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 hộp nhựa màu trắng, mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Lò Thị N; 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, các mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Nguyễn Văn S. Xét thấy đây là những vật các bị cáo dùng vào việc cất giữ ma túy và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy, vỏ màu đen, kèm theo sim đã qua sử dụng, Lò Thị N sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy, số tiền trong đó 50.000VNĐ đã thu giữ trong tổng số 370.000VNĐ do bán ma túy cho Nguyễn Văn S mà có. Do đó cần tịch thu sung công quỹ. Đối với số tiền còn lại là 320.000VNĐ là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo N.

Đối với 01 xe máy máy nhãn hiệu WAVE , màu trắng nâu đen, BKS: 26K1 – 03764, số khung RLHJC52140Y137723, số máy JC52E4178860. Qua điều tra xác minh, xác định: Chiếc xe là tài sản hợp pháp của Nguyễn Thế S. Việc Nguyễn Văn S sử dụng xe máy đi mua ma túy, Sơn không biết. Do đó, cần chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trả lại cho Nguyễn Thế S. Tại phiên tòa Nguyễn Văn Sơn không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ.

[8] *Về các vấn đề khác*:

Về nguồn gốc chất ma túy thu giữ của Nguyễn Văn S, S khai nhờ một người tên Văn, không rõ lai lịch địa chỉ cụ thể, việc trao đổi mua ma túy không ai chứng kiến. Quá trình điều tra N khai không quen biết ai tên Văn, ngày 19.3.2019 N không thừa nhận đã bán ma túy cho ai do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xác minh đối với Văn và chứng minh hành vi bán ma túy của N vào ngày 19.3.2019. Cần chấp nhận.

Về nguồn gốc chất ma túy thu giữ của Lò Thị N, Quá trình điều tra N khai mua của một người đàn ông không quen biết tự giới thiệu tên là L, việc mua bán không ai biết, chứng kiến, do đó cơ quan điều tra không có cơ sở để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

Đối với Đoàn Văn Dũng là người đi cùng bị cáo N đến Trung tâm y tế dự phòng để uống Methadone, quá trình điều tra xác định Dũng không biết việc N mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy do đó không đặt vấn đề xử lý đối với Dũng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lò Thị N 26 (hai mươi sáu) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 14 tháng tù giam tại bản án số: 66/2018/HSST ngày 14.6.2018 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 40 tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ của hai bản án là 19 (Mười chín) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 năm tù. Bị cáo được khấu trừ 03 (Ba) tháng 02 (Hai) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 19.3.2019 đến ngày 21.6.2019). Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, 01 hộp nhựa màu trắng, mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Lò Thị N; 01 vỏ bao bì niêm phong vật chứng ban đầu, các mảnh giấy gói ma túy ban đầu thu giữ của Nguyễn Văn S.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 50.000 VNĐ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy, vỏ màu đen, kèm theo sim đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị N.

Trả lại cho Lò Thị N 320.000VNĐ đã thu giữ của bị cáo trong tổng số tiền 370.000VNĐ.

Chấp nhận việc cơ quan điều tra Công an huyện Mai Sơn đã trả lại cho Nguyễn Thế S 01 xe máy máy nhãn hiệu WAVE, màu trắng nâu đen, BKS: 26K1 – 03764, số khung RLHJC52140Y137723, số máy JC52E4178860.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2019).

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mai Sơn;
- Công an huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Thịnh